

Bản án số: 99 /2023/HS- ST

Ngày 16-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lại

Ông Đỗ Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Long- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý 85/2023/TLST- HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Dương Văn T, sinh năm 1999; tại huyện Tr, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm C, xã Q, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn Kh và bà: Đàm Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 23/02/2023 đến ngày 03/3/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1948; cư trú tại: Thôn Tr, xã V1, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; cư trú tại: Đội 2, thôn Tr, xã V1, huyện V, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn T- sinh năm 1999, trú tại Xóm C, xã Q, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng là lao động tự do đang thuê trọ tại phòng số 27 khu nhà trọ của anh Nguyễn

Văn H- sinh năm 1975, trú tại đội 1, thôn Tr, xã V1, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 13 giờ 30 ngày 22/02/2023, T một mình đi bộ đến công ty SamWang thuộc khu công nghiệp Qu, huyện V, tỉnh Bắc Giang để phỏng vấn xin việc. Khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, sau khi phỏng vấn xin việc xong T đi bộ một mình về phòng trọ. Đến khu vực đường dân sinh thôn Tr, xã V1, huyện V, T gặp và thuê ông Nguyễn Văn B- sinh năm 1948, trú tại thôn Tr, xã V1, huyện V làm nghề lái xe ôm chở T về nhà trọ với giá 10.000 đồng. Ngồi lên xe mô tô của ông B đi được khoảng 50 mét, T phát hiện tại túi quần phía sau bên phải của ông B đang mặc có 01 ví da màu nâu đang để hở $\frac{1}{2}$ ví ra bên ngoài. Thấy ông B sơ hở trong bảo quản tài sản, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví da của ông B lấy tài sản bên trong. T quan sát thấy ông B đang chú ý lái xe, không quan sát được phía sau nên dùng tay phải từ từ rút chiếc ví từ túi quần phía sau bên phải của ông B rồi cất giấu vào trong áo phía trước bụng của T đang mặc. Khi đi đến gần phòng trọ T nói với ông B cho dừng xe và thanh toán số tiền 10.000 đồng cho ông B. Sau khi thanh toán tiền xong, ông B rời đi, T đi vào cửa hàng tạp hóa của anh Nguyễn Văn P- sinh năm 1983, trú tại thôn Tr, xã V1, huyện V, tỉnh Bắc Giang gần phòng trọ của T mua 01 chai nước. Quan sát thấy không có người nên T đi vào góc khuất phía trước cửa quán tạp hóa của anh Ph bỏ chiếc ví của ông B ra kiểm tra và lấy toàn bộ số tiền 8.050.000 đồng để trong ví cất giấu vào trong người, sau đó T vút chiếc ví vào chậu hoa ven đường cách cửa hàng tạp hóa khoảng 10 mét và đi bộ về phòng trọ. Khi T đi về đến gần phòng trọ, ông B quay lại và hỏi T có lấy chiếc ví của ông không nhưng T không thừa nhận. Ông B dẫn T về phòng trọ của T và cùng với anh Nguyễn Văn H đi vào phòng số 27 của T kiểm tra. Khi thấy ông B và anh H đi vào bên trong phòng, quan sát thấy không có ai để ý nên T lấy toàn bộ số tiền trộm cắp của ông B ném vào phòng 28 cạnh phòng của T thông qua ô cửa thoáng phía trước phòng nhằm tránh bị phát hiện. Sau khi ông B và anh H kiểm tra phòng trọ của T không phát hiện thấy tài sản bị trộm cắp thì ông B nói sẽ trình báo cơ quan Công an, T sợ sự việc bị phát hiện đã thừa nhận việc lấy ví của ông B và nhờ anh H mở cửa phòng số 28 để T lấy tiền trả cho ông B. Anh H cất khóa phòng trọ số 28 để T đi vào nhặt số tiền 8.050.000 đồng dưới nền phòng trọ số 28. Ông B theo sự chỉ dẫn của T quay lại cùng đường chở T đi tìm thấy chiếc ví da màu nâu của ông B tại chậu hoa ven đường tại thôn Tr, xã V1, huyện V. Cùng ngày 22/02/2023, Dương Văn T đến Công an xã V1, huyện V đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp số tiền 8.050.000 đồng để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 22/02/2023, ông Nguyễn Văn B làm đơn trình báo Công an xã V1, huyện V đồng thời tự nguyện giao nộp 01 ví giả da màu nâu, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn B.

Ngày 22/02/2023, Công an xã V1, huyện V bàn giao hồ sơ và đối tượng Dương Văn T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V điều tra theo thẩm quyền.

Cùng ngày 22/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V khám nghiệm hiện trường theo quy định. Kết quả: Quá trình khám nghiệm hiện trường Dương Văn T xác định vị trí T móc ví của ông Nguyễn Văn B; Vị trí Tuyên vút lại chiếc ví da của ông B tại thôn Tr, xã V1; Vị trí T ném tiền vào phòng trọ số 28 tại khu nhà trọ của anh H.

Ngày 24/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập biên bản làm việc cho Dương Văn T xác định nguồn gốc số tiền 8.050.000 đồng Dương Văn T giao nộp và 01 chiếc ví da màu nâu ông Nguyễn Văn B giao nộp. Kết quả T khẳng định số tiền và chiếc ví da màu nâu trên là tài sản T trộm cắp của ông B vào ngày 22/02/2023.

Ngày 24/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trưng cầu Hội đồng định giá tài sản của Ủy ban nhân dân huyện V định giá tài sản đối với 01 chiếc ví da màu nâu nhãn hiệu GUCCI của ông Nguyễn Văn B. Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 03/3/2023, của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện V kết luận: 01 (một) chiếc ví da màu nâu nhãn hiệu GUCCI đã qua sử dụng có giá trị 20.000 đồng.

Cáo trạng số 87/CT- VKS ngày 24 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “ *Trộm cắp tài sản* ” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo trình bày thêm: Ông B lái xe máy, bị cáo ngồi sau nhìn thấy chiếc ví trong túi quần của ông B thò ra một nửa. Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc ví của ông B. Trong lúc ông B lái xe lợi dụng sơ hở, bị cáo lấy chiếc ví của ông B cất giấu vào trong áo phía trước bụng của bị cáo đang mặc. Về đến phòng trọ bị cáo thanh toán tiền xe ôm cho ông B xong, bị cáo vào góc khuất bỏ ví ra kiểm tra, bên trong có tổng số tiền là 8.050.000 đồng và 01 thẻ căn cước công dân. Bị cáo lấy tiền, ví và thẻ căn cước công dân bị cáo để ở chậu hoa. Sau khi bị phát hiện bị cáo đầu thú, lấy ví, thẻ căn cước công dân và số tiền trả ông B. Bị cáo đồng ý với Kết luận định giá tài sản.

Anh Nguyễn Văn H khai: Bị cáo thuê phòng trọ số 27 của anh, hôm đó bị cáo ném tiền vào 1 phòng trọ số 28, sau khi bị phát hiện bị cáo nhờ anh cất khóa lấy tiền trả cho ông B. Nay anh không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc khóa bị hỏng.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

a) Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa sự vắng mặt của bị hại không trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 ngày 22/02/2023, tại đường dân sinh thuộc thôn Tr, xã V1, huyện V, tỉnh Bắc Giang, trong khi ông B lái xe ô tô chở T ngồi phía sau, lợi dụng sơ hở của ông B, Dương Văn T lén lút lấy chiếc ví từ túi quần phía sau bên phải của ông B cất giấu vào trong áo phía trước bụng của T đang mặc, khi về đến gần phòng trọ, T bảo ông B dừng xe và thanh toán số tiền 10.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền xe ôm, ông B rời đi. T vào cửa hàng tạp hóa mua 01 chai nước ngọt, quan sát không có người, T vào góc khuất phía trước cửa hàng tạp hóa bỏ chiếc ví vừa lấy của ông B tra kiểm tra, bên trong

có tổng số tiền là 8.050.000 đồng, 01 ví da màu nâu trị giá 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 8.070.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Dương Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng số 87/CT- VKS ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông Nguyễn Văn B được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại khu công nghiệp. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đầu thú; đã tự nguyện nộp lại số tiền chiếm đoạt trả lại bị hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Áp dụng điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] *Xét về hình phạt bổ sung*: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng. Xét thấy, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, chưa cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là đủ để bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật bị cáo từ chối trợ giúp pháp lý, căn cứ Điều 77 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn H là người cất khóa phòng số 28 để Dương Văn T vào lấy tiền. Quá trình điều tra anh H xác định chiếc ổ khóa trên đã bị mất chìa, không sử dụng được và không yêu cầu T phải bồi thường đối với chiếc ổ khóa bị hư hỏng, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về trách nhiệm dân sự*: Đối với 01 chiếc ví da màu nâu nhãn hiệu GUCCI, 01 thẻ căn cước công dân mang tên ông Nguyễn Văn B và số tiền 8.050.000 đồng quá trình điều tra xác định số tài sản trên là của ông Nguyễn Văn B, ngày 11/4/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trả lại số tài sản trên cho ông B. Đến nay, ông B nhận lại những tài sản trên và không yêu cầu T phải bồi thường thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về án phí*: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng điều luật:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 77, điểm a Khoản 2 Điều 136, các Điều 292, 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Dương Văn T 08 (tám) tháng tù, về tội trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại nhận lại tài sản, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Lưu HS.VP;
- Công an Việt Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Q.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hương

